

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *778* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *02* tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
(tỷ lệ 1/2000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000);

Căn cứ Kết luận của UBND tỉnh tại phiên họp Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về đồ án Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang ngày 24/3/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 20/BCTĐ-SXD ngày 18/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (tỷ lệ 1/2000).

2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Văn Giang.

3. Mục tiêu Đồ án

Cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 và Quy hoạch chung đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 86/QĐ-TTg ngày 14/2/2023;

Cụ thể hóa phạm vi, ranh giới, diện tích, quy mô đất đai, dân số và các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho phân khu đô thị; các khu vực bảo tồn, cải tạo, chỉnh trang, xây dựng mới phù hợp với Quy hoạch chung, Quy hoạch chuyên ngành, tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Quy hoạch xây dựng mới gắn với việc cải tạo, nâng cấp các khu vực hiện có, khớp nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc, nâng cao điều kiện môi trường sống, cảnh quan chung;

Đề xuất Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu, làm cơ sở lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc; các quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư theo quy định; làm căn cứ để các cấp chính quyền địa phương, cơ quan quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Tính chất phân khu đô thị

Là phân khu phát triển các đô thị sinh thái, dịch vụ du lịch gắn liền với khu dân cư hiện hữu được nâng cấp, cải tạo, giữ gìn không gian vườn nông nghiệp. Phát triển chợ, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, đồng thời phát triển du lịch cuối tuần gắn với nông nghiệp sinh thái, trang trại để đa dạng hóa sản phẩm du lịch và góp phần thu hút du lịch.

5. Vị trí và phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Phạm vi ranh giới lập Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang thuộc địa bàn các xã Tân Tiến, Liên Nghĩa, Mỹ Sở và Thắng Lợi, huyện Văn Giang. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Đường quy hoạch đô thị;
- Phía Nam giáp: Xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu;
- Phía Đông giáp: Đường quy hoạch đô thị;
- Phía Tây giáp: Đường tỉnh ĐT.377.

6. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số: Dân số đến năm 2040 khoảng 44.000 người, dự báo đến năm 2050 khoảng 55.574 người, phù hợp với định hướng phát triển dân số tại Đồ án Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Quy mô đất đai: Quy mô diện tích lập quy hoạch phân khu D2 khoảng 805,74ha (được xác định theo đồ án quy hoạch chung đô thị Văn Giang được phê duyệt), được chia thành 04 đơn vị ở (gồm các đơn vị ở D2-A, D2-B, D2-C, D2-D). Phương án quy hoạch cụ thể như sau:

+ *Đơn vị ở D2-A*: Nằm phía Tây - Nam phân khu D2, thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Sở; Là khu vực tập trung phần lớn dân số hiện trạng, các công trình hạ tầng kĩ thuật, công cộng của xã Mỹ Sở. Định hướng quy hoạch bổ sung các quỹ đất công trình hạ tầng xã hội nhằm cải thiện chất lượng sống của người dân đang sinh sống trong khu vực, bổ sung quỹ đất phát triển thương mại – dịch vụ. Quy mô diện tích khoảng 126,93 ha. Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 15.722 người.

+ *Đơn vị ở D2-B*: Nằm phía Nam phân khu D2, thuộc địa giới hành chính xã Mỹ Sở, tiếp giáp khu vực sông Đồng Quê với diện tích đất hiện trạng phần lớn là đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Được định hướng là khu vực phát triển dân cư đô thị mới kết hợp dân cư hiện trạng nằm dọc tuyến cảnh quan Sông

Đồng Quê. Quy mô diện tích khoảng 161,05 ha. Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 19.302 người.

- *Đơn vị ở D2-C*: Nằm phía Tây – Bắc phân khu D2, thuộc địa giới hành chính 2 xã Thắng Lợi và Liên Nghĩa. Được định hướng là khu vực cải tạo chỉnh trang khu ở cũ và phát triển nông nghiệp, tận dụng lợi thế cảnh quan sông Đồng Quê để phát triển du lịch sinh thái. Quy mô diện tích khoảng 222,15 ha. Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 7.904 người.

- *Đơn vị ở D2-D*: Nằm phía Đông phân khu D2, thuộc địa giới hành chính 2 xã Liên nghĩa và Tân Tiến; Là khu vực cải tạo chỉnh trang khu ở cũ, phát triển thương mại, dịch vụ hỗn hợp. Quy mô diện tích khoảng 255,03 ha. Quy mô dân số đến năm 2050 khoảng 12.646 người.

7. Quy hoạch sử dụng đất

Cơ cấu sử dụng đất của phân khu D2 được phân bổ cụ thể như sau:

TT	Chức năng sử dụng của ô đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất (A) + (B)		805,74	100,00
A	Đất xây dựng đô thị		572,71	71,08
1	Đất nhóm nhà ở		307,12	38,12
1.1	Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo	OHT	251,41	31,20
1.2	Đất nhóm nhà ở quy hoạch	OM	55,71	6,92
2	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	HH	16,75	2,08
3	Y tế	YTĐ-YT	0,81	0,10
3.1	Y tế cấp đô thị (Trung tâm y tế)	YTĐ	-	-
3.2	Y tế cấp đơn vị ở (Trạm y tế)	YT	0,81	0,10
4	Văn hóa cấp đơn vị ở	VHO	2,63	0,33
5	Thể dục thể thao (Sân chơi – Sân tập luyện)		8,64	1,07
5.1	Thể dục thể thao cấp đô thị	TDTTDT	3,46	0,43
5.2	Thể dục thể thao đơn vị ở	TDTT	5,18	0,64
6	Giáo dục		12,51	1,55
6.1	Giáo dục cấp đô thị (THPT)	PTTH	0,64	0,08
6.2	Giáo dục đơn vị ở		11,87	1,47
a	Trường Mầm non	TMN	3,97	0,49
b	Trường Tiểu học	TH	4,23	0,52
c	Trường THCS	THCS	3,67	0,46
d	Trường liên cấp (Tiểu học + THCS)	TLC	-	-
7	Cây xanh sử dụng công cộng	CXĐT-	40,49	5,03

		CXDVO		
7.1	Cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	CXĐT-MNĐ	13,22	1,64
a	Cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	CXĐ	6,18	0,77
b	Mặt nước cấp đô thị	MNĐ	7,04	0,87
7.2	Cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở	CXDVO-MN	27,27	3,39
a	Cây xanh sử dụng công cộng đơn vị ở	CXDVO	21,01	2,61
b	Mặt nước đơn vị ở	MN	6,26	0,78
8	Cây xanh chuyên dụng	CXCL	17,25	2,14
9	Cơ quan trụ sở	CQ	1,68	0,21
10	Khu dịch vụ	TMDVĐ-TMDV	12,61	1,56
10.1	Khu thương mại dịch vụ cấp đô thị	TMDVĐ	10,83	1,34
10.2	Khu thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở	TMDV	1,78	0,22
11	Di tích, tôn giáo	TG	4,53	0,56
12	Đường giao thông		132,01	16,38
12.1	Đường giao thông đối ngoại		40,58	5,03
12.2	Đường giao thông phân khu vực		91,43	11,35
13	Bãi đỗ xe	BDX	9,98	1,24
14	Nghĩa trang	NT	4,16	0,52
15	Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật khác	HTKT	1,54	0,19
B	Đất khu chức năng khác		233,03	28,92
a	Sông, suối, kênh, rạch	MNSH	20,37	2,53
b	Đất nông nghiệp	NN	86,00	10,67
b.1	Đất phát triển nông nghiệp	NN	81,94	10,17
b.2	Đất dịch vụ nông nghiệp	DVNN	4,06	0,50
c	Đất chưa sử dụng	CSD	125,00	15,51
d	Đất công nghiệp, kinh doanh sản xuất	CN	1,66	0,21

8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan

a) Bố cục không gian, kiến trúc toàn phân khu

Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan phân khu D2 được đề xuất trên nguyên tắc phù hợp với định hướng tại Quy hoạch chung đô thị Văn Giang đến năm 2040 được phê duyệt. Hình ảnh chung toàn phân khu là không gian sống xanh, không gian sinh thái hướng đến tận hưởng thiên nhiên, cụ thể như sau:

Các khu trung tâm, dịch vụ công cộng được bố trí tại những vị trí thuận lợi về giao thông, kết nối thuận tiện với các khu chức năng khác của khu đô thị, khai thác các yếu tố cảnh quan tự nhiên và thuận lợi trong việc đóng góp vào không gian kiến trúc cảnh quan chung của toàn khu vực;

Tổ chức cảnh quan theo các góc nhìn thuận lợi, làm điểm nhấn nhận diện khu vực; Tận dụng các điểm cao cục bộ làm tuyến dẫn hướng; Hình thành không gian và các nhóm công trình điểm nhấn, trong đó trọng tâm về điểm nhấn không gian là không gian xanh tự nhiên;

Phát triển các chức năng đô thị tập trung, công cộng được bố trí theo tuyến đường chính khu vực. Các đơn vị ở, các công trình công cộng dịch vụ trong đơn vị ở phân bố theo dân cư. Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, công trình kỹ thuật đầu mối;

Thiết lập các vị trí mang tính “cửa ngõ” tại khu vực dịch vụ thương mại. Định hướng tăng cường các khu mặt nước vào sâu các khu ở nhằm thiết lập tiện ích và cảnh quan sinh thái;

Các khu vực công viên công cộng được bố trí mang tính sinh thái, định hướng đưa nhiều không gian xanh mặt nước vào gần các tổ hợp công trình. Tổ chức các không gian mở, công viên cây xanh có sự gắn kết với nhau;

Các công trình di tích, tôn giáo – tín ngưỡng được tôn tạo, quản lý về hình thức kiến trúc, chiều cao, khoảng cách công trình xung quanh di tích, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan khu di tích.

b) Tổ chức không gian Khu vực trọng tâm, các tuyến, điểm nhấn và điểm nhìn quan trọng

Khu vực định hướng xây dựng một Đô thị - nông nghiệp - sinh thái, với chức năng chủ yếu là khu ở bao gồm đầy đủ hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, có môi trường tự nhiên và cảnh quan kiến trúc đẹp, bền vững;

Các trục chính liên khu vực, khu vực như đường huyện ĐH.25, đường tỉnh ĐT.377, đường tỉnh ĐT.378 là nơi tập trung các công trình thương mại, dịch vụ, công cộng... Các điểm nhấn quan trọng được quy hoạch tại các khu vực cửa ngõ, ngã giao nhau, các trục đường giao thông lớn;

Các điểm nhìn quan trọng là các hướng: Hướng nhìn tốt từ đường vành đai 4 vùng thủ đô Hà Nội, hướng nhìn dọc trục Bắc Nam đường huyện ĐH.25. Khu vực không gian mở, cây xanh công viên hồ nước lớn tại các vị trí trung tâm đơn vị ở.

9. Quy hoạch không gian ngầm

Dọc theo các tuyến đường cấp khu vực (trên vỉa hè và hai bên đường) bố trí các hào cấp kỹ thuật chứa đựng các đường cáp phục vụ các hộ tiêu thụ.

Các bãi đỗ xe ngầm: Tại các khu vực xây dựng nhà ở cao tầng sẽ xây dựng các không gian kỹ thuật ngầm và bãi đỗ xe phục vụ nhu cầu đỗ xe của tòa nhà và khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đường bộ:

Giao thông đối ngoại: Đường Vành đai 4 vùng thủ đô là tuyến đường giao thông đối ngoại chính của khu vực quy hoạch. Quy mô 6 làn xe cao tốc, đường song hành hai bên và hành lang để bố trí cây xanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật (đường sắt) và dự trữ mở rộng. Tổng bề rộng mặt cắt ngang 120m.

Giao thông đối nội: Mạng lưới đường đối nội liên kết với các tuyến đường đối ngoại theo mạng lưới ô bàn cờ. Quy mô một số tuyến đường cụ thể như sau:

+ Mặt cắt 2-2 quy mô $B_n=20,5m$, gồm: Bề rộng lòng đường 10,5m; Bề rộng hè đường 5mx2.

+ Mặt cắt 3-3 quy mô $B_n=32,0m$, gồm: Bề rộng lòng đường 10,5mx2; Bề rộng hè đường 4,0mx2; Dải phân cách giữa 3,0m.

+ Mặt cắt 4-4 quy mô $B_n=32,0m$, gồm: Bề rộng lòng đường 11,25mx2; Bề rộng hè đường 4,0mx2; Dải phân cách giữa 1,5m.

+ Mặt cắt 5-5 quy mô $B_n=40m$, gồm: Bề rộng lòng đường 11,25mx2; Bề rộng hè đường 6,0mx2; Dải phân cách giữa 5,5m.

+ Mặt cắt 6-6 quy mô $B_n=17,5m$, gồm: Bề rộng lòng đường 7,5m; Bề rộng hè đường 5,0mx2.

+ Mặt cắt 7-7 quy mô $B_n=24,0m$, gồm: Bề rộng lòng đường 14,0m; Bề rộng hè đường 5,0mx2.

+ Mặt cắt 8-8 quy mô $B_n=13,5m$, gồm: Bề rộng lòng đường 7,5m; Bề rộng hè đường 3,0mx2.

+ Mặt cắt 9-9 quy mô $B_n=30,0m$, gồm: Bề rộng lòng đường 7,5m; Bề rộng hè đường 5,0mx2; Dải phân cách giữa 5,0m.

+ Mở rộng các trục chính trong khu dân cư hiện trạng với quy mô đường $\geq 13m$, đảm bảo lưu thông và đáp ứng nhu cầu tiếp cận của các dịch vụ cứu hỏa, cứu thương...

b) Bến xe đối ngoại, bãi đỗ xe:

Quy hoạch các bãi đỗ xe tập trung với tổng diện tích 9,98ha, đảm bảo đáp ứng đủ cho nhu cầu đỗ xe của đô thị theo quy định. Sử dụng giải pháp đỗ xe thông minh cao tầng, ngầm đáp ứng đủ nhu cầu đỗ xe của đô thị.

Các bãi đỗ xe được bố trí tại các điểm công trình công cộng, khu công viên mở... Bãi đỗ xe nằm trong thành phần đất đơn vị ở được bố trí với bán kính phục vụ 500m.

11. Quy hoạch san nền

Thiết kế quy hoạch san nền được thể hiện bởi cao độ tìm đường, chiều dài, độ dốc các tuyến đường giao thông.

+ Chọn cao độ xây dựng khống chế cho khu vực quy hoạch $H_{xd} \geq +6,0m$ đối với khu vực xây dựng công trình.

+ Đối với các khu vực, dự án đã được phê duyệt cao độ nền xây dựng đảm bảo cốt xây dựng khống chế đúng theo như quy hoạch đã duyệt.

+ Đối với các đô thị mới tiếp giáp đường Vành đai 4, cốt xây dựng khống chế $\geq +6,4m$.

+ Đối với khu vực làng xóm cải tạo chỉnh trang và đô thị mới, cốt xây dựng khống chế $\geq +6,1m$.

Các dự án, công trình mới xen kẹt trong khu vực xây dựng hiện hữu, cao độ xây dựng phù hợp với nền xây dựng hiện trạng, đảm bảo đầu nổi giao thông, thoát nước tự chảy thuận lợi.

12. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được thiết kế riêng.

Khu vực quy hoạch được chia làm 03 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Phía Tây Bắc đường Vành đai 4, từ đường DH.25 đến đường DH.378, nước mưa được thu gom và thoát ra sông Đồng Quê.

+ Lưu vực 2: Phía Đông Bắc đường Vành đai 4, từ đường DH.25 đến đường DH.377, nước mưa được thu gom và thoát ra hệ thống kênh mương.

+ Lưu vực 3: Phía Nam đường Vành đai 4, nước mưa được thu gom và thoát ra sông Đồng Quê.

13. Quy hoạch hệ thống cấp nước

Nhu cầu dùng nước của khu vực quy hoạch khoảng: $16.029 m^3/ngđ$.

Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước mặt sông Đuống thông qua đường ống cấp nước truyền dẫn D500 trên đường vành đai 3,5 và từ NMN Ecopark và nhà máy nước số 4.

Mạng lưới cấp nước phân phối chính có đường kính D110mm – D350mm. mạng lưới cấp nước chính được cấp nước từ mạng lưới cấp nước

truyền dẫn qua các điểm đầu nối. Mạng lưới đường ống là mạng vòng kết hợp nhánh, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và chữa cháy.

Hạng cứu hỏa đầu nối với đường ống cấp nước phân phối chính và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc các trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy chữa cháy. Khoảng cách giữa các hạng cứu hỏa trên mạng lưới theo quy chuẩn hiện hành.

14. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng

Tổng nhu cầu cấp điện tính toán trong khu vực (có tính tới hệ số dự phòng phát triển 10%) khoảng: 41,65 MVA.

Nguồn điện: Theo QHC đô thị Văn Giang khu vực quy hoạch được cấp điện từ TBA 110kv Văn Giang 2 – 2x63MVA.

Trạm biến áp hạ thế: Xây dựng các trạm biến áp trong trung tâm phụ tải, trạm biến áp được sử dụng là trạm xây, trạm kios hoặc trạm dạng cột. Các trạm này đặt tại các khu vực cây xanh, gần các đường giao thông để đảm bảo khoảng cách ly an toàn, thẩm mỹ và thuận tiện trong công tác sửa chữa khi có sự cố. Đối với các công trình cao tầng hoặc khu công cộng nếu có tầng hầm thì có thể đặt tại tầng hầm của công trình.

Chiếu sáng: Nguồn điện chiếu sáng được lấy ra từ các lộ ra hạ áp của trạm biếp áp khu vực gần nhất. Toàn bộ tuyến chiếu sáng đi độc lập dùng cáp ngầm hạ thế đi trong đất. Đèn đường được bố trí trên trục đường theo phương án chiếu sáng 2 bên đối diện, hoặc bố trí một bên.

15. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

Tổng lượng nước thải sinh hoạt toàn khu vực khoảng: 11.800 m³/ngđ.

Hệ thống thoát nước thải trong khu vực quy hoạch là hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

Khu vực quy hoạch được chia thành 03 lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1 (đơn vị ở D2-A): Bao gồm toàn bộ nước thải của khu dân cư hiện trạng và khu phát triển đô thị mới sẽ được thu gom về khu xử lý cục bộ để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Lưu vực 2: Bao gồm 2 lưu vực cụ thể:

Lưu vực 2.1: Bao gồm toàn bộ nước thải từ đơn vị ở D2-B sẽ được thu gom và chuyển về trạm xử lý số 1 của khu quy hoạch đã được phê duyệt đặt trên ô đất hạ tầng nằm phía Đông Nam dự án.

Lưu vực 2.2: Bao gồm toàn bộ phần nước thải sinh hoạt thuộc đơn vị ở D2-C nước thải được thu gom và chuyển về trạm xử lý nước thải theo quy hoạch đã được phê duyệt nằm ngoài ranh giới quy hoạch.

+ Lưu vực 3: gồm toàn bộ nước thải của đơn vị ở D2-D được thu gom và chuyển về trạm xử lý nước thải theo quy hoạch được đặt trên ô đất hạ tầng nằm phía Đông.

Theo Quy hoạch chung đô thị Văn Giang nước thải sau khi được xử lý tại các công trình sẽ được thu gom bằng hệ thống chung rồi thoát về trạm xử lý nước thải chung của toàn bộ khu vực. Xây dựng 04 trạm XLNT tập trung trong khu vực lập quy hoạch với công suất lần lượt là: Cụm xử lý nước thải 01 là $2.400 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, trạm xử lý nước thải 02 là $2.400 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, trạm xử lý nước thải 03 là $3.300 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, trạm xử lý nước thải 04 là $5.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

16. Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn

a) Quản lý chất thải rắn

Lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 67 tấn/ngđ . Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo quy định về VSMT. Chất thải rắn sau khi thu gom đưa đi xử lý tại khu xử lý tập trung tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm.

b) Nghĩa trang

Từng bước đóng cửa và trồng cây xanh cách ly đối với các nghĩa trang nằm rải rác trong các khu dân cư gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường và trong tương lai không thể đáp ứng được nhu cầu mai táng của người dân.

Xây dựng nghĩa trang tập trung và công viên nghĩa trang theo Quy hoạch chung đô thị Văn Giang với nhiều loại hình táng để phục vụ lâu dài. Toàn bộ nhu cầu mai táng của nhân dân sẽ được đưa về công viên nghĩa trang theo định hướng quy hoạch.

Diện tích đất nghĩa trang trong khu vực lập quy hoạch khoảng $4,16 \text{ ha}$, là nghĩa trang hiện trạng cải tạo, cần quản lý việc chôn cất, đảm bảo mỹ quan và tiết kiệm quỹ đất.

17. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Tổng nhu cầu thông tin liên lạc khoảng 26.651 lines .

Nguồn cấp: Từ mạng viễn thông Quốc gia thông qua các tuyến cáp quang tính cho khu vực, tổng đài bưu điện và mạng lưới truyền dẫn.

Đường cáp phân phối: Sử dụng cáp quang đi ngầm, đầu nối từ mạng thông tin trong khu vực kéo vào các tủ cáp tổng MDF bố trí trên hè.

Đường cáp dịch vụ: Bố trí cáp quang đi ngầm trong, đầu nối từ tủ MDF ra các tủ cáp phân phối IDF, đường cáp quang dịch vụ từ cáp IDF theo hào đi chung chôn ngầm dưới vỉa hè, dẫn ra các ga-ni-vo đầu vào các hộ sử dụng.

18. Các giải pháp bảo vệ môi trường

Để đảm bảo cho phát triển bền vững, cần quan tâm chú trọng các giải pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình quy hoạch, triển khai thực hiện các dự án, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn Huyện Văn Giang;

Sử dụng hiệu quả, hợp lý tài nguyên đất; Bảo vệ và phát triển các khu vực mặt nước, đặc biệt là sông suối; Tăng cường trồng cây, phủ xanh đất trống; ngăn ngừa nguy cơ xảy ra ngập úng, phòng chống cháy nổ;

Thực hiện tốt hiệu quả công tác san nền, thoát nước; Xây dựng các giải pháp phòng chống thiên tai; Tăng cường công tác thăm dò địa chất, khảo sát địa hình, thực hiện công tác thi công, xây dựng an toàn, hiệu quả;

Quản lý chặt chẽ hoạt động thu gom, xử lý nước thải, chất thải trên địa bàn; Đặc biệt chú ý công tác xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường tại các cơ sở y tế, vụ du lịch và khu dân cư tập trung; Nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

19. Các dự án ưu tiên đầu tư

Các dự án trọng điểm: Các dự án trọng điểm tạo sức lan tỏa phát triển kinh tế, xã hội, phát triển đô thị, thu hút đầu tư, có tính liên kết vùng, liên kết đô thị: Dự án tuyến đường Vành đai 4 vùng Thủ đô (đoạn qua Văn Giang) và các nút giao kết nối.

Các dự án hỗ trợ, mở rộng khả năng kết nối, tăng tính phục vụ, thu hút dân cư:

- + Các dự án giao thông: Cải tạo nâng cấp đường tỉnh ĐT.377, đường tỉnh ĐT.378, các tuyến đường huyện; xây dựng các tuyến đường chính đô thị;

- + Các dự án hạ tầng kỹ thuật: Dự án xây dựng đường dây điện 500kV, 220kV; dự án xây dựng, cải tạo hệ thống kênh mương thủy lợi.

- + Các dự án xây dựng khu đô thị mới;

- + Các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội: Xây dựng chợ, thương mại dịch vụ. Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường học, công trình công cộng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Văn Giang chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu về quy mô dân số, chỉ tiêu sử dụng đất tại Đồ án quy hoạch; cập nhật chính xác chỉ tiêu sử dụng đất

của các dự án đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết, chấp thuận chủ trương đầu tư tại phân khu D2; Hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này, trình Sở Xây dựng đóng dấu thẩm định, lưu trữ hồ sơ quy hoạch; phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố quy hoạch; tổ chức cắm mốc giới theo quy hoạch và quản lý hoạt động đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

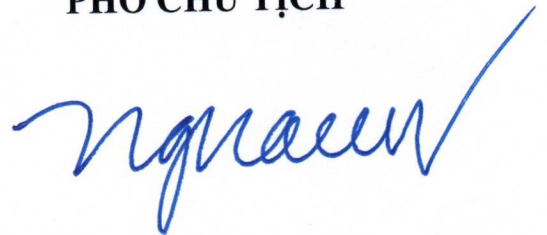
Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu, nội dung tại Báo cáo thẩm định Đồ án quy hoạch phân khu. Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ quy hoạch được duyệt theo quy định pháp luật. Giao Sở Xây dựng theo quy định chức năng, nhiệm vụ, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Đồ án Quy hoạch phân khu D2, đô thị Văn Giang được duyệt tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Văn Giang; Chủ tịch UBND các xã: Tân Tiến, Liên Nghĩa, Mỹ Sở, Thắng Lợi và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^H. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam